

**BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN
NĂM 2022**

**CÔNG TY CỔ PHẦN
TỔNG CÔNG TY CHÈ NGHỆ AN**

Nghệ An, tháng 4 năm 2023

MỤC LỤC

| | |
|---|-----------|
| DANH MỤC BẢNG BIỂU, SƠ ĐỒ..... | 3 |
| DANH MỤC TỪ VIẾT TẮT | 4 |
| NỘI DUNG | 5 |
| I. Thông tin chung..... | 5 |
| 1. Thông tin khái quát | 5 |
| 2. Ngành nghề và địa bàn kinh doanh của Công ty..... | 5 |
| 3. Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý | 6 |
| 4. Định hướng phát triển | 15 |
| 5. Các rủi ro | 15 |
| II. Tình hình hoạt động trong năm | 18 |
| 1. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh | 18 |
| 2. Tổ chức và nhân sự | 19 |
| 3. Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện các dự án | 21 |
| 4. Tình hình tài chính của Công ty | 21 |
| 5. Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu | 22 |
| 6. Báo cáo tác động liên quan đến môi trường và xã hội của Công ty | 23 |
| III. Báo cáo và đánh giá của Ban Giám đốc | 24 |
| 1. Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh..... | 24 |
| 2. Tình hình tài chính | 25 |
| 3. Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý | 26 |
| 4. Kế hoạch phát triển trong tương lai..... | 26 |
| 5. Giải trình của Ban Giám đốc đối với ý kiến kiểm toán: Không có..... | 26 |
| 6. Báo cáo đánh giá liên quan đến trách nhiệm về môi trường và xã hội của Công ty..... | 26 |
| IV. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Công ty..... | 27 |
| 1. Đánh giá của Hội đồng quản trị về các mặt hoạt động của Công ty, trong đó có đánh giá liên quan đến trách nhiệm môi trường và xã hội | 27 |
| 2. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Ban Giám đốc Công ty | 27 |
| 3. Các kế hoạch, định hướng của Hội đồng quản trị | 27 |
| V. Quản trị Công ty | 28 |
| 1. Hội đồng quản trị..... | 28 |
| 2. Ban Kiểm soát | 29 |
| 3. Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc và Ban kiểm soát..... | 29 |
| VI. Báo cáo tài chính..... | 30 |
| 1. Ý kiến kiểm toán | 30 |
| 2. Báo cáo tài chính được kiểm toán | 30 |

DANH MỤC BẢNG BIỂU, SƠ ĐỒ

| | |
|---|----|
| Bảng số 1: Ngành nghề kinh doanh của Công ty..... | 5 |
| Bảng số 2: Cơ cấu doanh thu năm của Công ty..... | 18 |
| Bảng số 3: Cơ cấu chi phí của Công ty..... | 18 |
| Bảng số 4: Kết quả thực hiện so với kế hoạch năm 2022..... | 19 |
| Bảng số 5: Danh sách thành viên Ban Điều hành..... | 19 |
| Bảng số 6: Cơ cấu lao động của Công ty tại thời điểm 31/12/2022..... | 20 |
| Bảng số 7: Tình hình tài chính của Công ty..... | 21 |
| Bảng số 8: Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu..... | 22 |
| Bảng số 9: Cơ cấu cổ đông tại thời điểm 28/03/2023..... | 22 |
| Bảng số 10: Danh sách cổ đông nắm giữ từ 5% trở lên tại thời điểm 28/03/2023..... | 23 |
| Bảng số 11: Mức lương trung bình đối với người lao động..... | 24 |
| Bảng số 12: Tình hình tài sản của Công ty năm 2021 - 2022..... | 25 |
| Bảng số 13: Tình hình nợ phải trả của Công ty năm 2021-2022..... | 26 |
| Bảng số 14: Thành viên Hội đồng quản trị..... | 28 |
| Bảng số 15: Thành viên Ban Kiểm soát..... | 29 |
| Sơ đồ số 1: Cơ cấu quản lý của Công ty..... | 08 |

DANH MỤC TỪ VIẾT TẮT

| | |
|-------|-------------------------|
| QĐ | : Quyết định |
| UBND | : Ủy ban nhân dân |
| DTT | : Doanh thu thuần |
| TSCĐ | : Tài sản cố định |
| BCTC | : Báo cáo tài chính |
| HĐQT | : Hội đồng quản trị |
| DHĐCĐ | : Đại hội đồng cổ đông |
| HĐLĐ | : Hợp đồng lao động |
| CBCNV | : Cán bộ công nhân viên |
| CA | : Công an |
| TP | : Thành phố |
| CMND | : Chứng minh nhân dân |
| CTCP | : Công ty cổ phần |

NỘI DUNG

I. Thông tin chung

1. Thông tin khái quát

| | | |
|---|---|--|
| - Tên giao dịch | : | Công ty cổ phần Tổng công ty Chè Nghệ An |
| - Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số | : | 2900326223 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Nghệ An cấp, thay đổi lần thứ 3 ngày 14/04/2022 |
| - Vốn điều lệ theo Giấy ĐKKD | : | 34.155.550.000 đồng |
| - Vốn đầu tư của chủ sở hữu | : | 34.155.550.000 đồng |
| - Địa chỉ | : | Số 376 Nguyễn Trãi, TP.Vinh, Nghệ An |
| - Số điện thoại | : | +84 2383 518789 |
| - Số fax | : | +84 2383 851242 |
| - Website | : | http://ngheantea.com.vn |
| - Mã chứng khoán | : | CNA |

*** Quá trình hình thành và phát triển**

Tiền thân của Công ty TNHH MTV Đầu tư phát triển Chè Nghệ An là Liên hiệp các Xí nghiệp Chè Nghệ - Tỉnh thành lập ngày 05/7/1985 bao gồm các Nông trường quốc doanh là các đơn vị độc lập do Sở Nông nghiệp quản lý.

Ngày 29/12/1992, UBND tỉnh ra quyết định số 2494/QĐ/UB chuyển Liên hiệp các Xí nghiệp Chè Nghệ - Tỉnh thành Công ty Đầu tư phát triển Chè Nghệ An gồm 8 cơ sở thành viên là các Nông trường đổi tên thành các Xí nghiệp Chế biến dịch vụ. Đến ngày 26/7/2010 chuyển Công ty Đầu tư phát triển Chè Nghệ An thành Công ty TNHH MTV Đầu tư phát triển Chè Nghệ An theo quyết định số 3201/QĐ/UBND.NN của UBND tỉnh Nghệ An.

2. Ngành nghề và địa bàn kinh doanh của Công ty

2.1. Ngành nghề kinh doanh của Công ty

Bảng số 1: Ngành nghề kinh doanh của Công ty

| STT | Tên ngành | Mã ngành |
|-----|---|-----------------|
| 1 | Trồng cây chè Chi tiết: Trồng cây Chè và chế biến, kinh doanh các sản phẩm Chè và các loại nông sản khác. | 0127 (Chính) |
| 2 | Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy nông nghiệp | 4653 |
| 3 | Nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ trong lĩnh vực khoa học nông nghiệp. Chi tiết: Ứng dụng, chuyển giao các tiến bộ Khoa học kỹ thuật Nông - Công nghiệp về giống, trồng, chăm sóc, đầu tư thâm canh, chế biến, bảo quản để phát triển Chè. | 7214 |
| 4 | Bán buôn tổng hợp Chi tiết: Kinh doanh dịch vụ thương mại tổng hợp. | 4690 |

(Nguồn: Công ty cổ phần Tổng công ty Chè Nghệ An)

2.2. Ngành nghề kinh doanh chính của Công ty

- Trồng, chăm sóc, chế biến, kinh doanh sản phẩm chè và các loại nông sản khác
- Kinh doanh, dịch vụ máy móc, thiết bị, phụ tùng cho sản xuất chế biến chè và các loại nông sản khác;
- Ứng dụng, chuyển giao các tiến bộ Khoa học kỹ thuật nông – công nghiệp về giống, trồng, chăm sóc, đầu tư thâm canh, chế biến, bảo quản,... để phát triển chè;
- Đầu tư, kinh doanh dịch vụ thương mại tổng hợp

2.3. Địa bàn kinh doanh của Công ty

Toàn quốc và thị trường nước ngoài.

3. Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý

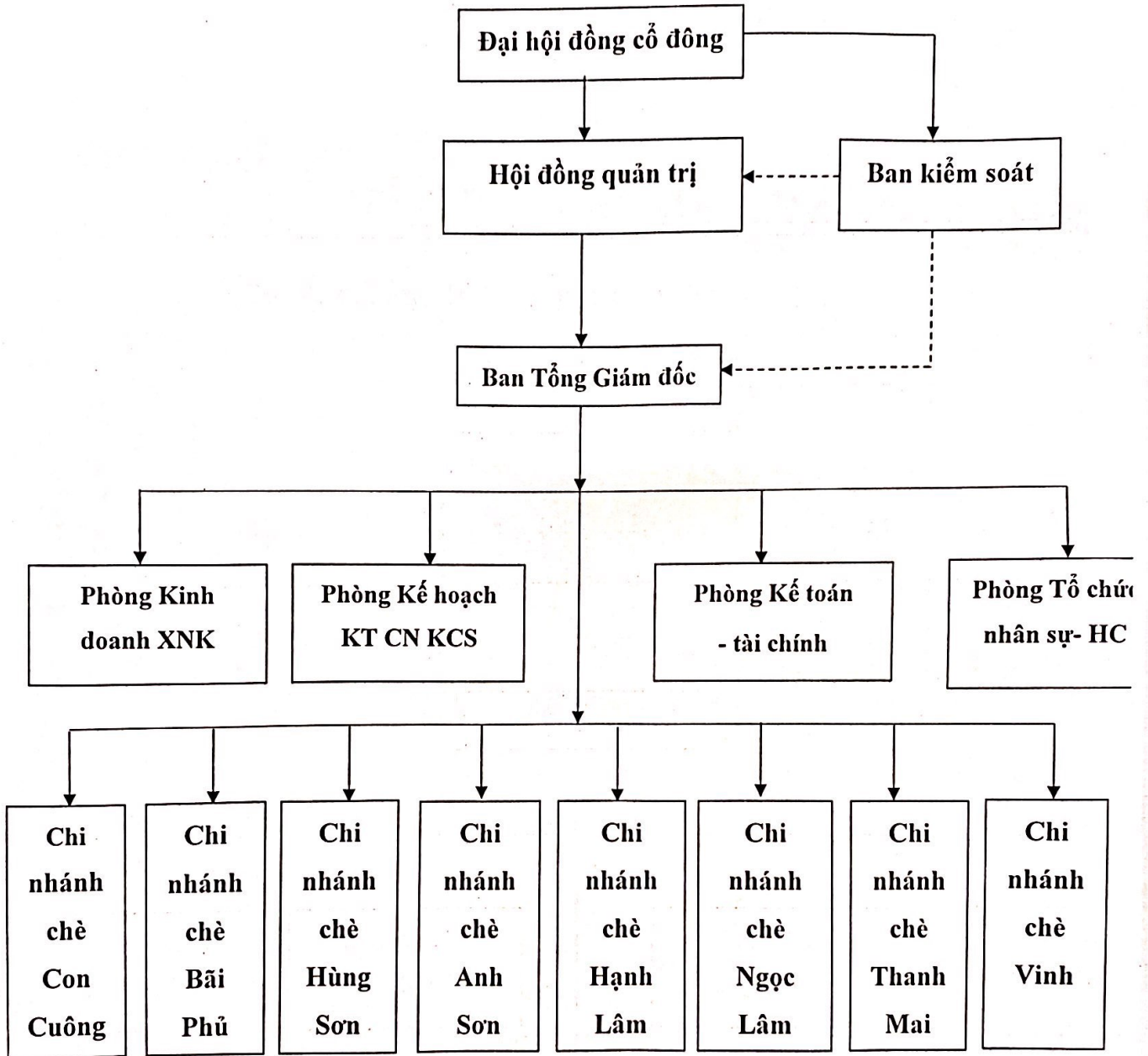
3.1. Mô hình quản trị Công ty

Cơ cấu tổ chức quản lý của Công ty được thực hiện theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 137 Luật Doanh nghiệp, bao gồm:

- Đại hội đồng cổ đông.
- Hội đồng quản trị.
- Ban kiểm soát.
- Ban Tổng Giám đốc: Gồm Tổng Giám đốc và Phó Tổng Giám đốc

3.2. Cơ cấu bộ máy quản lý

Sơ đồ: Cơ cấu quản lý của Công ty cổ phần Tổng Công ty Chè Nghệ An



Xuất phát từ đặc điểm sản phẩm, quy trình sản xuất và nguyên tắc hoạt động, để đảm bảo kinh doanh có hiệu quả, Công ty đã tổ chức bộ máy chức năng nhiệm vụ và có trách nhiệm quyền hạn cụ thể như sau:

3.2.1. Đại hội đồng cổ đông

Gồm tất cả các cổ đông có quyền biểu quyết, là cơ quan quyền lực cao nhất của Công ty, quyết định những vấn đề được luật pháp và Điều lệ Công ty quy định.

3.2.2. Hội đồng quản trị

Do Đại hội đồng cổ đông bầu ra theo phương thức bầu dồn phiếu. Hội đồng quản trị có từ 03 đến 11 thành viên, số lượng cụ thể được quy định tại Điều lệ Công ty cổ phần. Nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị không quá 05 năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Số lượng, thời hạn cụ thể của nhiệm kỳ, số thành viên

Hội đồng quản trị phải thường trú ở Việt Nam do Điều lệ công ty quy định. Hội đồng quản trị bầu một thành viên của Hội đồng quản trị làm Chủ tịch. Chủ tịch Hội đồng quản trị không được kiêm nhiệm Tổng Giám đốc.

Là cơ quan quản lý Công ty, có toàn quyền nhân danh Công ty để quyết định mọi vấn đề liên quan đến mục đích, quyền lợi của Công ty, trừ những vấn đề thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông. Hội đồng quản trị có trách nhiệm giám sát Tổng Giám đốc và những người quản lý khác. Quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị do luật pháp và Điều lệ Công ty, các quy chế nội bộ của Công ty và Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông quy định.

3.2.3. Ban Kiểm soát

Là cơ quan trực thuộc Đại hội đồng cổ đông, do Đại hội đồng cổ đông bầu ra. Ban kiểm soát có nhiệm vụ kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp trong điều hành hoạt động kinh doanh, báo cáo tài chính của Công ty; thực hiện giám sát Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc trong việc quản lý và điều hành Công ty theo quy định pháp luật. Ban kiểm soát hoạt động độc lập với Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc.

3.2.4. Ban Tổng Giám đốc

Tổng Giám đốc là người quản lý điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh hàng ngày của Công ty, do Hội đồng quản trị bổ nhiệm hoặc ký hợp đồng thuê. Giúp việc cho Tổng Giám đốc là các Phó Tổng Giám đốc chuyên môn.

3.2.5. Các phòng ban, đơn vị trực thuộc

3.2.5.1. Phòng Kế hoạch KTCN-KCS

a) Nhiệm vụ chỉ đạo sản xuất nông nghiệp

Bao gồm chỉ đạo các đơn vị thực hiện chủ trương quản lý nông nghiệp gắn với quản lý đất đai; tổ chức chỉ đạo thâm canh, thu hái đảm bảo chất lượng nguyên liệu, đốn, trồng mới, phòng trừ sâu bệnh, an toàn vệ sinh thực phẩm ... nhằm đạt và vượt kế hoạch sản lượng nguyên liệu trong năm.

b) Nhiệm vụ công tác kế hoạch, điều hành sản xuất

Bao gồm công tác xây dựng kế hoạch; phối hợp tham mưu các cơ chế chính sách đảm bảo sản xuất, điều hành sản xuất theo tiến độ nhằm thực hiện được kế hoạch sản xuất trong từng thời điểm, các trật chè và cả năm một cách thông suốt và hiệu quả.

c) Nhiệm vụ công tác chỉ đạo công nghệ và kỹ thuật đối với sản xuất chế biến ở cơ sở

Hướng dẫn quy trình kỹ thuật chế biến; chỉ đạo tổ chức sản xuất chế biến tại các Chi nhánh Xí nghiệp; tham mưu việc duy tu bảo dưỡng, bổ sung, thay thế và kỹ thuật vận hành máy móc thiết bị tại các Chi nhánh Xí nghiệp nhằm đạt kế hoạch về sản lượng, chất lượng sản phẩm theo mục tiêu đã phê duyệt trong năm.

d) Nhiệm vụ công tác KCS

Bao gồm công tác kiểm tra đánh giá chất lượng sản phẩm nhập kho, chất lượng sản phẩm tại các đơn vị; xây dựng ban hành các mẫu hàng theo yêu cầu; xây dựng và tổ chức thực hiện quy chế kiểm tra đánh giá chất lượng sản phẩm.....Đảm

bảo khách quan, chính xác theo yêu cầu và quy chế quản lý chất lượng của Công ty.

d) Nhiệm vụ công tác chỉ đạo đầu trộn, đóng hàng xuất khẩu và tiêu thụ

Đảm bảo số lượng và chất lượng theo lệnh đóng hàng và hợp đồng đã ký với khách hàng.

e) Nhiệm vụ công tác quản lý đất đai

Bao gồm việc chỉ đạo, kiểm tra các đơn vị trực thuộc quản lý đất đai theo pháp luật và theo quy định của Công ty; chỉ đạo thực hiện các nội dung liên quan đến công tác quản lý đất đai kịp thời có hiệu quả và đúng với quy định.

g) Nhiệm vụ công tác quản lý đầu tư XDCB

Bao gồm tham mưu cho Lãnh đạo công ty về chủ trương, kế hoạch, đầu tư XDCB hàng năm, hàng kỳ; tổ chức chỉ đạo, kiểm tra việc thi công, phối hợp các bộ phận liên quan nghiệm thu, thanh quyết toán các hạng mục đầu tư XDCB đảm bảo đúng kế hoạch, chất lượng hạng mục công trình và các hồ sơ pháp lý theo quy định hiện hành.

h) Nhiệm vụ công tác báo cáo tình hình tiến độ sản xuất

Thực hiện nhiệm vụ báo cáo với các cơ quan hữu quan, sở ban ngành, báo chí theo yêu cầu của Lãnh đạo công ty.

i) Thực hiện một số nhiệm vụ khác theo yêu cầu của Lãnh đạo công ty

3.2.5.2. Phòng Kinh doanh – Xuất nhập khẩu

a) Nhiệm vụ công tác thị trường: Bao gồm việc nghiên cứu, theo dõi thị trường trong và ngoài nước trong từng giai đoạn, thời điểm đề xuất và tham mưu cho Lãnh đạo Công ty về kế hoạch thị trường hàng năm, phương án sản phẩm, mặt hàng chèn phù hợp thị trường nhằm đạt hiệu quả cao nhất.

b) Tổ chức việc giao dịch, chào hàng, đàm phán và tham mưu cho Chủ tịch HĐQT, Tổng Giám đốc Công ty trong việc chào hàng và ký kết các Hợp đồng xuất khẩu trực tiếp, Hợp đồng uỷ thác, Hợp đồng mua bán chèn xuất khẩu với khách hàng trong nước và nước ngoài đối với mặt hàng Công ty sản xuất; thực hiện mua bán chèn thương mại linh hoạt theo từng thời điểm.

c) Phối hợp với các Phòng chuyên môn, các Chi nhánh xí nghiệp để có ý kiến tham vấn trong sản xuất theo từng thời điểm, tổ chức chào mẫu, đóng hàng, thực hiện giao hàng tại kho Công ty và Chi nhánh xí nghiệp.

d) Liên hệ với cơ quan hữu quan như: Hải quan, Kiểm dịch thực vật, giám định, Liên đoàn thương mại Công nghiệp Việt Nam (nếu có)... để làm thủ tục xuất nhập khẩu trong quá trình thực hiện hợp đồng xuất khẩu. Liên hệ chủ động làm việc với đối tác để tham mưu cho Tổng Giám đốc Công ty trong việc ký kết các Hợp đồng thuê tàu, kho bãi, phương tiện vận chuyển phục vụ cho giao hàng nội địa và xuất khẩu.

đ) Phối hợp với Phòng Kế hoạch KTCNKCS để kiểm tra chất lượng các lô hàng nhập kho Công ty, xây dựng mẫu chè gửi cho các khách hàng trong nước và nước ngoài để chào bán các sản phẩm của Công ty đạt hiệu quả cao nhất.

e) Lập bộ chứng từ giao hàng đối với các lô hàng chè xuất khẩu trực tiếp để gửi Ngân hàng hoặc khách hàng nước ngoài thực hiện thanh toán theo đúng yêu cầu của hợp đồng ngoại (TTR hoặc L/C), theo dõi sát, đôn đốc thanh toán cho hợp đồng nội và hợp đồng ngoại. Đảm bảo hồ sơ pháp lý, các loại chứng từ cần thiết nhằm đảm bảo cho các lô hàng tiêu thụ kịp thời, đúng với các hợp đồng đã ký và đúng quy định, đảm bảo an toàn tiền hàng theo các hợp đồng đã ký.

g) Phối hợp với Phòng Kế toán tài chính căn cứ thị trường để tham mưu cho Tổng Giám đốc ban hành cơ chế cho từng trật chè về mặt hàng sản xuất, giá giao sản phẩm đảm bảo thu hút được nguyên liệu sản xuất và cân đối tài chính toàn Công ty (*trước 5 ngày khi vào trật mới*). Đồng thời tham mưu trong quản lý tiết kiệm chi phí, quản lý tiền hàng, công nợ khách hàng kịp thời, chính xác... cũng như mua vật tư phục vụ đóng hàng xuất khẩu, bảo quản hàng tại Chi nhánh xí nghiệp như bao bì PE, PP....

h) Quản lý trang web của Công ty, quản lý địa chỉ email Công ty, địa chỉ khách hàng theo đúng quy định, quản lý thư giao dịch khách hàng; tuyệt đối không được để lộ, lọt thông tin về thị trường, khách hàng, các nội dung đàm phán giao dịch với khách hàng ra ngoài.

i) Nhiệm vụ công tác phối hợp với các phòng liên quan trong việc cơ cấu mặt hàng sản xuất và chất lượng sản phẩm, đóng hàng xuất khẩu, tính toán hiệu quả cho các hợp đồng đã ký.

k) Thực hiện một số nhiệm vụ khác theo yêu cầu của Lãnh đạo Công ty.

3.2.5.3. Phòng Kế toán tài chính

a) Công tác kế toán

- Theo dõi, ghi chép phản ánh chính xác, đầy đủ, kịp thời các nghiệp vụ kinh tế phát sinh và tình hình biến động về tài sản, nguồn vốn theo đúng chế độ kế toán đối với Doanh nghiệp.

- Định kỳ lập báo cáo tài chính theo quy định.

- Tính toán nghĩa vụ ngân sách phải nộp, hạch toán kế toán thuế và nộp thuế theo luật định.

- Thực hiện công tác kiểm kê, đối chiếu, thu hồi công nợ đầy đủ, kịp thời.

- Lưu trữ chứng từ, sổ sách kế toán, hồ sơ tài liệu liên quan đảm bảo an toàn, bí mật và tính hệ thống.

- Được quyền từ chối thanh toán các khoản chi chưa có đủ chứng từ hợp lệ.

- Công tác kế toán Công đoàn toàn Công ty (Lập kế hoạch, quyết toán kinh phí Công đoàn).

b) Công tác tài chính

- Chỉ đạo kiểm tra việc thực hiện các định mức kinh tế - kỹ thuật và chi phí sản xuất, tình hình cho vay vốn ở các Chi nhánh xí nghiệp trực thuộc đảm bảo sản xuất kinh doanh có hiệu quả theo cơ chế của nhà nước và của Công ty.

- Kiểm soát chặt chẽ doanh thu, chi phí; tham mưu cho Lãnh đạo Công ty khai thác và sử dụng các nguồn lực về tài sản tiền vốn đảm bảo sản xuất kinh doanh có hiệu quả, bảo toàn và phát triển vốn doanh nghiệp.

- Tham mưu cơ chế quản lý tài chính toàn Công ty nhằm tác động vào SXKD từ Công ty đến các Chi nhánh Xí nghiệp một cách hệ thống và có hiệu quả nhất.

- Tham mưu các giải pháp quản lý tài chính, quản lý chi phí sản xuất, các chi phí quản lý và chi phí khác đối với các Chi nhánh Xí nghiệp; trực tiếp đề xuất, kiểm tra giám sát, hạch toán đối với Chi nhánh Xí nghiệp thực hiện cơ chế Công ty quản lý sản xuất trực tiếp.

- Khai thác có hiệu quả các nguồn vốn đáp ứng kịp thời đầy đủ cho hoạt động SXKD và ĐTPT của Công ty.

- Thực hiện kiểm tra, soát xét các nhu cầu sử dụng vốn của các Chi nhánh Xí nghiệp để giải quyết đảm bảo kịp thời, an toàn, hiệu quả.

- Thu hồi công nợ đầu tư ở các đơn vị Chi nhánh Xí nghiệp đảm bảo kế hoạch đề ra.

- Hướng dẫn, chỉ đạo, kiểm tra việc chấp hành quy chế về quản lý tài chính kế toán, thuế và quản lý đầu tư XDCB trong toàn Công ty.

- Chịu trách nhiệm báo cáo về tài chính để phục vụ công bố thông tin theo quy định cho các cấp, các ngành. Đăng tải lên trang MiS của Bộ Tài chính, Thị trường chứng khoán.

- Báo cáo giám sát tình hình tài chính quý, năm cho Sở Tài chính.

c) Phối hợp các phòng liên quan theo chức năng nhiệm vụ

- Xây dựng kế hoạch sản xuất kinh doanh hàng năm.

- Xây dựng phương án phân phối tiền lương, thu nhập; thực hiện chế độ đối với người lao động.

- Phối hợp phòng Kế hoạch Kỹ thuật CN.KCS và Phòng Kinh doanh XNK xây dựng phương án và cơ chế cho từng trật chề đảm bảo việc thu hút được nguyên liệu cho sản xuất vừa cân đối tài chính của Công ty.

d) Công tác kho, quỹ

- Theo dõi, ghi chép chính xác kịp thời mọi biến động về vật tư sản phẩm và tiền mặt tại Công ty; thực hiện nhập, xuất kho, thu chi quản lý đúng quy định.

- Quản lý vật tư, tài sản đảm bảo số lượng, chất lượng theo quy định.

- Đảm bảo tuyệt đối an toàn kho quỹ và tuân thủ nguyên tắc bảo mật.

- Nghiêm cấm việc gửi hàng hóa, tiền vào kho quỹ, hoặc rút hàng tiền khỏi kho quỹ khi chưa có ý kiến của Lãnh đạo Công ty.

- Nhận, quản lý tiền mặt và tài sản của đơn vị đảm bảo an toàn, không để thâm hụt về tiền mặt, mất mát và hư hỏng tài sản.

- Mọi tài sản của đơn vị được trang bị, mua sắm phải được nhập kho, khi xuất kho phải có quyết định của lãnh đạo. Cá nhân được giao quản lý, sử dụng tài sản phải thực hiện đúng quy định, sử dụng đúng mục đích, không vi phạm pháp luật và quy chế của đơn vị.

- Chi trả tiền theo chứng từ thanh toán khi có đầy đủ chữ ký của Kế toán viên, Kế toán trưởng và lãnh đạo Công ty, từ chối thanh toán đối với mọi chứng từ không hợp lệ.

- Thực hiện các nhiệm vụ khác khi Lãnh đạo phân công.

d) Công tác báo cáo tiến độ sản xuất kinh doanh các Chi nhánh Xí nghiệp

Theo dõi, nắm bắt các thông tin diễn biến sản lượng, chất lượng và giá cả thu mua nguyên liệu tươi của các Chi nhánh Xí nghiệp, báo cáo lãnh đạo Công ty, các phòng liên quan để chủ động điều hành sản xuất kinh doanh.

e) Thực hiện một số nhiệm vụ khác theo yêu cầu của Lãnh đạo Công ty

3.2.5.4. Phòng Tổ chức nhân sự - hành chính.

a) Về công tác cán bộ

Tham mưu cho Lãnh đạo Công ty về công tác quy hoạch, đào tạo, bồi dưỡng, sắp xếp, bố trí, luân chuyển, tiếp nhận, đánh giá, khen thưởng, kỷ luật.....cán bộ thuộc diện Công ty quản lý trong phạm vi toàn Công ty một cách kịp thời và có hiệu quả nhất, đáp ứng được yêu cầu quản lý chỉ đạo sản xuất kinh doanh và đầu tư phát triển trước mắt cũng như lâu dài.

b) Nhiệm vụ công tác chỉ đạo, kiểm tra các Chi nhánh Xí nghiệp thực hiện các chế độ chính sách đối với người lao động

Đảm bảo đúng quy định, đúng chế độ, phù hợp với điều kiện của doanh nghiệp. Tham mưu cho Lãnh đạo Công ty về các chế độ chính sách nhằm ổn định và nâng cao đời sống người lao động, phát triển nguồn nhân lực phục vụ cho nhiệm vụ sản xuất kinh doanh và đầu tư phát triển của Công ty.

c) Nhiệm vụ thư ký Hội đồng quản trị

- Hỗ trợ tổ chức triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị; ghi chép các biên bản họp.

- Hỗ trợ Công ty trong xây dựng quan hệ cổ đông và bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của cổ đông; việc tuân thủ nghĩa vụ cung cấp thông tin, công khai hóa thông tin và thủ tục hành chính.

- Công bố thông tin Công ty, Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị theo quy định.

d) Nhiệm vụ Lái xe

- Trực tiếp quản lý, bảo quản và sử dụng xe ô tô của đơn vị. Lái xe an toàn, chấp hành nghiêm chỉnh Luật Giao thông đường bộ.
- Chỉ sử dụng xe khi có lệnh của Chủ tịch HĐQT hoặc Tổng Giám đốc điều xe để phục vụ công tác của cơ quan.
- Tự kiểm tra an toàn xe, báo cáo với lãnh đạo xin chủ trương và thực hiện khám lưu hành xe khi đến thời hạn.
- Được thanh toán chi phí xăng dầu theo định mức và nhật trình sử dụng xe, chi phí bảo dưỡng, chi phí rửa xe.
- Theo dõi, kiểm tra điện, nước trong cơ quan, kịp thời đề xuất lãnh đạo xử lý các hư hỏng để phục vụ tốt hoạt động cơ quan.
- Thực hiện các nhiệm vụ khác khi lãnh đạo phân công.

đ) Nhiệm vụ Nhân viên phục vụ

- Chịu trách nhiệm đảm bảo cơm, nước cho cán bộ văn phòng Công ty và khách đến cơ quan làm việc cần ở lại có báo cơm khách; hàng ngày quét dọn, lau chùi các khu vực chung, đảm bảo vệ sinh môi trường ở văn phòng Công ty sạch sẽ, gọn gàng. Lau chùi, quét dọn Hội trường và chuẩn bị nước uống trước khi có cuộc họp diễn ra.
- Quản lý toàn bộ dụng cụ nhà ăn, không để mất mát, hư hỏng.
- Thực hiện các nhiệm vụ khác khi lãnh đạo phân công.

e) Chế độ nội vụ và vệ sinh cơ quan

- Trong thời gian làm việc, cán bộ nhân viên không tự ý rời bỏ công sở, nếu có việc đi ra ngoài phải báo cáo với Trưởng phòng trực tiếp và Trưởng phòng TCHC.
- Các phòng làm việc phải luôn luôn gọn gàng, sạch sẽ, bố trí hợp lý, đảm bảo cho làm việc thuận lợi. Khi hết giờ ra khỏi phòng phải tắt hết các thiết bị điện để đảm bảo tiết kiệm và an toàn phòng chống cháy nổ.
- Chiều thứ 6 hàng tuần, bắt đầu từ 15h00, tất cả CBNV văn phòng tổ chức lao động, vệ sinh môi trường toàn bộ Văn phòng Công ty.
- Thực hiện nghiêm túc Chỉ thị 26/CT-TTg ngày 05/9/2016 của Thủ tướng Chính phủ về việc tăng cường kỷ luật, kỷ cương trong các cơ quan hành chính nhà nước các cấp; Chỉ thị 17-CT/TU ngày 03/12/2013 của BTV tỉnh ủy về tăng cường kỷ luật, kỷ cương hành chính trong các cơ quan đơn vị trên địa bàn tỉnh.

g) Nhiệm vụ công tác hành chính và phục vụ

Bao gồm công tác quản lý hành chính đối với cơ quan văn phòng Công ty, quản lý con dấu, công tác văn thư lưu trữ, quản lý an ninh trật tự, phòng cháy chữa cháy....theo nội quy của Công ty và quy định của pháp luật. Công tác phục vụ lãnh đạo và phục vụ cho các nhiệm vụ khác của Công ty.

d) Thực hiện một số nhiệm vụ khác theo yêu cầu của Lãnh đạo Công ty

3.2.6. Các chi nhánh trực thuộc

a) Các đơn vị trực thuộc Công ty hạch toán kế toán, được quyền tự chủ sản xuất kinh doanh theo phân cấp và kế hoạch của Công ty, Điều lệ Công ty và theo quy định của pháp luật. Chịu sự ràng buộc về quyền và nghĩa vụ đối với Công ty như sau:

- Quản lý, sử dụng quỹ đất được giao để phát triển theo quy hoạch được phê duyệt.

- Thực hiện tốt cơ chế quản lý, chỉ đạo, điều hành thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh, đầu tư phát triển hàng năm được Công ty giao.

- Quản lý và sử dụng hợp lý có hiệu quả nguồn vốn do Công ty đầu tư.

- Tổ chức thu mua nguyên liệu, tổ chức chế biến sản phẩm bảo đảm chất lượng.

- Báo cáo chính xác, kịp thời, đầy đủ tình hình sản xuất kinh doanh, tình hình tài chính, báo cáo quyết toán tài chính cho Công ty theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty.

- Thực hiện nghĩa vụ BHXH, BHYT, BHTN và các chế độ, nghĩa vụ khác đối với người lao động theo quy định của pháp luật.

b) Các Chi nhánh Xí nghiệp trực thuộc Công ty được quyền chủ động sản xuất kinh doanh theo kế hoạch giao hàng năm và cơ chế quản lý của Công ty quy định từng trật chè bảo đảm hiệu quả và bảo toàn vốn nhà nước kết quả cả năm (*Các Chi nhánh Xí nghiệp linh hoạt đối với từng trật chè nhưng đảm bảo nguyên tắc cả năm không được lỗ*).

Đối với Chi nhánh Xí nghiệp công ty điều hành trực tiếp thì thực hiện theo cơ chế điều hành trực tiếp của công ty.

c) Chấp hành nghiêm túc sự điều hành của công ty. Chịu trách nhiệm về quyền và nghĩa vụ đối với Công ty như sau:

- Giám đốc và người phụ trách Chi nhánh Xí nghiệp chịu trách nhiệm toàn diện về hoạt động sản xuất kinh doanh, quản lý đất đai, hoạt động xã hội, an ninh trật tự trên địa bàn theo quy định của pháp luật và cơ chế điều hành, các quy định của Công ty ban hành.

- Nếu điều hành SXKD phát huy được các sáng kiến, cải tiến kỹ thuật để nâng cao chất lượng sản phẩm, hạ giá thành thì tùy vào hiệu quả trong SXKD mang lại sẽ được Công ty xem xét khen thưởng. Trường hợp Chi nhánh Xí nghiệp không hoàn thành các chỉ tiêu kế hoạch được giao và thua lỗ trong sản xuất kinh doanh không có lý do khách quan sẽ phải xem xét trách nhiệm theo quy chế của Công ty.

- Giám đốc và người phụ trách Chi nhánh Xí nghiệp đi công tác khỏi cơ quan từ 01 ngày trở lên phải báo cáo và được sự đồng ý của Tổng Giám đốc công ty (*Qua điện thoại hoặc trực tiếp*).

d) Chỉ đạo điều hành SXKD của Công ty thực hiện thông qua chủ trương các văn bản do lãnh đạo Công ty phê duyệt và ý kiến chỉ đạo trực tiếp theo nội dung công tác.

d) Thực hiện các nhiệm vụ, công việc khác theo chỉ đạo của lãnh đạo Công ty.

3.3. Các công ty con, công ty liên kết

- Các công ty con: Không có.

- Các công ty liên kết: Không có.

4. Định hướng phát triển

4.1. Các mục tiêu chủ yếu của Công ty

- Ổn định sản xuất kinh doanh, xây dựng chiến lược phát triển Công ty, bảo toàn và phát triển vốn.

- Khai thác và sử dụng có hiệu quả các phương tiện, trang thiết bị hiện có, đầu tư trang bị thêm cơ sở vật chất, trang thiết bị đáp ứng yêu cầu sản xuất kinh doanh, đảm bảo đủ năng lực cạnh tranh theo yêu cầu của các chủ hàng.

4.2. Chiến lược phát triển trung và dài hạn

- Ổn định và mở rộng ngành nghề kinh doanh nhưng có chọn lọc giữ vững phát huy thế mạnh truyền thống của Công ty là trồng, kinh doanh chế biến sản phẩm chè, tìm kiếm và phát triển các dự án mới.

- Xây dựng mối quan hệ chặt chẽ với các chủ đầu tư để nắm bắt kịp thời các thông tin về các dự án đầu tư xây dựng, các công trình cơ sở hạ tầng phục vụ công ích, tạo thị trường ổn định trong sản xuất kinh doanh.

- Bảo đảm tốt lợi ích của Nhà nước, lợi ích của cổ đông và đảm bảo việc làm, thu nhập, thực hiện tốt các chế độ, chính sách cho người lao động.

4.3. Các mục tiêu phát triển bền vững (môi trường, xã hội và cộng đồng)

Nâng cao chất lượng sản phẩm dịch vụ, đem lại sản phẩm chất lượng tốt nhất đến người tiêu dùng.

5. Các rủi ro

5.1. Rủi ro kinh tế

Hoạt động của Công ty chịu ảnh hưởng bởi các biến động của nền kinh tế thế giới và Việt Nam, cũng như hoạt động của thị trường tài chính, tiền tệ. Những diễn biến bất lợi có thể dẫn đến suy thoái kinh tế, lạm phát, biến động tỷ giá, thắt chặt tín dụng và tăng giá của nguyên vật liệu đầu vào.

Theo Tổng cục Thống kê, ước tính GDP năm 2022 tăng 8,02% so với năm trước là kết quả từ quý I tăng 5,05%; quý II tăng 7,83%; quý III tăng 13,71% và quý IV giảm 5,92%. Tăng trưởng GDP năm 2022 cao hơn năm 2021 5,44%, là mức tăng cao nhất trong giai đoạn 2011-2022 do nền kinh tế khôi phục trở lại sau đại dịch. Các hoạt động sản xuất kinh doanh dần lấy lại đà tăng trưởng, chính sách phục hồi và phát triển kinh tế - xã hội của Chính phủ đã phát huy hiệu quả. Trong mức tăng của tổng giá trị tăng thêm toàn nền kinh tế, khu vực nông, lâm nghiệp và thủy sản tăng 3,36%, đóng góp 5,11%; khu vực công nghiệp và xây dựng tăng 7,78%, đóng góp 38,24%; khu vực dịch vụ tăng 9,99%, đóng góp 56,65% vào tăng trưởng chung của cả nước.

Báo cáo "Kinh tế Việt Nam năm 2022, triển vọng năm 2023" của Viện Nghiên cứu quản lý kinh tế Trung ương công bố mới đây đã đưa ra 2 kịch bản tăng trưởng kinh tế của Việt Nam trong năm 2023. Cụ thể, kịch bản thứ nhất, tăng trưởng GDP đạt 6,47%; lạm phát bình quân 4,08%; tăng trưởng xuất khẩu 7,21% và cán cân thương mại là 5,64 tỷ USD. Kịch bản thứ hai tích cực hơn khi tăng trưởng GDP tăng 6,83%; lạm phát 3,69%; tăng trưởng xuất khẩu 8,43% và cán cân thương mại là 8,15 tỷ USD. Các mức tăng trưởng này khá cao so với mức dự báo tăng trưởng bình quân của thế giới là 2,2% mà báo cáo đưa ra.

Bước sang năm 2023 với dự báo nhiều khó khăn, thách thức, tuy nhiên nền kinh tế Việt Nam vẫn được đánh giá còn nhiều dư địa phát triển bởi khi bối cảnh càng phức tạp, khó khăn thì yêu cầu trao đổi, phối hợp và thực hiện hiệu quả tiến trình hội nhập kinh tế quốc tế càng có ý nghĩa đặc biệt, mà Việt Nam hiện là thành viên quan trọng tại nhiều cơ chế chính thức và hợp tác nghiên cứu của khu vực Đông Nam Á và thế giới.

5.2. Rủi ro về lãi suất

Lãi suất là biến số kinh tế nhạy cảm, sự thay đổi của lãi suất sẽ tác động làm thay đổi hành vi sản xuất và tiêu dùng của xã hội. Đối với một doanh nghiệp, rủi ro lãi suất là rủi ro khi chi phí đi vay của doanh nghiệp cao hơn khả năng tạo ra lợi nhuận của doanh nghiệp và mức độ rủi ro về lãi suất cũng khác nhau giữa các ngành tùy theo cơ cấu nợ vay của ngành đó.

Năm 2022 là năm đặc biệt khi dự báo về kinh tế vĩ mô trong nước, quốc tế gần như đảo lộn trong bối cảnh có nhiều cú sốc xảy ra, như xung đột và lạm phát cao trên thế giới. Cục Dự trữ Liên bang Mỹ (Fed) tăng lãi suất 7 lần liên tục lên gần 5%, đánh dấu mức tăng cao nhất trong 40 năm qua. Các biến động toàn cầu đã gây ảnh hưởng lớn đến bức tranh chung của kinh tế Việt Nam.

Tám tháng đầu năm 2022, NHNN giữ nguyên các mức lãi suất điều hành. Từ tháng 9-2022 do lạm phát toàn cầu vẫn ở mức cao, đồng USD lên giá mạnh, NHNN đã điều chỉnh tăng 2 lần các mức lãi suất điều hành với tổng mức tăng 2%/năm. Tuy nhiên, NHNN chỉ đạo các ngân hàng tiết giảm chi phí hoạt động, thủ tục hành chính, các khoản chi không cần thiết để có dư địa phần đầu giảm lãi suất cho vay nhằm hỗ trợ và đồng hành cùng doanh nghiệp, người dân vượt qua khó khăn.

Tổng dư nợ tín dụng trong GDP Việt Nam hiện có tỷ lệ đòn bẩy tài chính quốc gia trên cơ sở tổng dư nợ tín dụng trên GDP cao nhất trong các nước có thu nhập trung bình thấp (124%). Trong bối cảnh năng lực tài chính của Việt Nam chưa đáp ứng được chuẩn mực quốc tế, việc duy trì ổn định mặt bằng lãi suất là nỗ lực rất lớn.

Áp lực đối với mặt bằng lãi suất trong nước có thể kéo dài cho đến quý II-2023, sau đó giảm đáng kể sau khi Fed giảm tốc độ tăng lãi suất. Áp lực tỷ giá giảm, NHNN có thể xem xét ưu tiên mục tiêu ổn định mặt bằng lãi suất để hỗ trợ doanh nghiệp và nền kinh tế. Lãi suất tái cấp vốn có thể duy trì ở mức 6% và lãi suất tái chiết khấu duy trì ở mức 4,5% trong năm 2023. Lạm phát năm 2023 sẽ theo hướng cao trong những tháng đầu năm nhưng giảm dần. Thanh khoản sẽ tốt hơn ở những tháng cuối năm.

Dự báo năm 2023, kinh tế toàn cầu có khả năng suy thoái. Dự kiến, Fed sẽ còn duy trì lãi suất ở mức cao cho đến cuối 2024. Như vậy, xu hướng lãi suất vẫn sẽ cao, tuy nhiên mức độ và tác động của lãi suất cao sẽ không như năm 2022. Trong nước, định hướng điều hành chính sách tiền tệ đối với năm 2023 là không thể chủ quan. Khả năng điều hành tín dụng, tỷ giá, lãi suất còn nhiều khó khăn, thách thức.

Hiện nay, Công ty đang tìm cách giảm thiểu rủi ro lãi suất này thông qua các biện pháp như: Kiểm soát chặt chẽ công nợ phải thu, tối ưu hoá việc sử dụng vốn, tăng vòng quay đồng tiền, ưu tiên thanh toán nợ trước hạn đối với các khoản vay có lãi suất cao, đảo nợ, cơ cấu lại các khoản vay từ lãi suất cao xuống lãi suất thấp.

5.3. Rủi ro luật pháp

Pháp luật và những chính sách của Việt Nam thường xuyên có những thay đổi, bổ sung để phù hợp với thực tiễn và thông lệ quốc tế, do đó đòi hỏi Công ty phải có sự chuyển đổi cơ chế, chính sách nội bộ của mình kịp thời.

Là Doanh nghiệp hoạt động theo hình thức Công ty cổ phần, hoạt động của Công ty cổ phần Tổng công ty Chè Nghệ An chịu sự điều chỉnh chủ yếu bởi Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán.... Trong khi các luật và các văn bản dưới luật trong lĩnh vực này đang trong quá trình hoàn thiện, nên sự thay đổi về mặt chính sách luôn có thể xảy ra và khi xảy ra sẽ ít nhiều ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp.

5.4. Rủi ro đặc thù

Hiện nay có nhiều doanh nghiệp cạnh tranh khốc liệt từ các đối thủ cùng ngành. Với sự phát triển nhanh chóng của thị trường, các doanh nghiệp cạnh tranh với nhau để thu hút được người tiêu dùng. Điều này dẫn đến sự cạnh tranh giá cả, chất lượng, dịch vụ và quảng cáo, đôi khi dẫn đến các cuộc chiến giá cả giữa các thương hiệu. Các yếu tố như giá nguyên liệu, nhiên liệu, chi phí nhân công, các phương tiện,... đều tác động đến hiệu quả hoạt động kinh doanh của Công ty.

a) Rủi ro về chi phí nguyên, nhiên vật liệu

Công ty có các hoạt động chính là kinh doanh sản xuất sản phẩm chè một trong những rủi ro lớn nhất đó là rủi ro về chi phí nguyên, nhiên liệu. Khi chi phí nguyên, nhiên liệu tăng cao, chi phí sản xuất chè sẽ tăng lên và công ty có thể gặp khó khăn trong việc đảm bảo lợi nhuận.

Một trong những nguyên nhân dẫn đến tăng giá nguyên liệu là sự thay đổi thời tiết. Điều kiện thời tiết không thuận lợi, như hạn hán hoặc mưa lớn, có thể gây ra thiệt hại đến cây chè và làm giảm sản lượng. Điều này sẽ khiến giá lá chè tăng cao hơn.

Tuy nhiên công ty đã chủ động về nguồn cung nguyên vật liệu cũng như quy trình sản xuất hiện tại phần nào đã loại trừ được những rủi ro lớn cho công ty.

b) Rủi ro tác động từ chi phí nhân công

Như đặc thù của các doanh nghiệp trong lĩnh vực sản xuất, Công ty cổ phần Tổng công ty Chè Nghệ An sử dụng một số lượng lớn nhân công trực tiếp cho việc sản xuất sản phẩm chè của công ty. Chi phí nhân công tính theo chất lượng của từng loại công việc cũng như khối lượng hoàn thành. Điều này tương ứng với một mức tăng về chi phí nhân công, gây rủi ro lớn cho lợi nhuận của doanh nghiệp.

5.5. Rủi ro khác

Hoạt động kinh doanh của Công ty có thể chịu ảnh hưởng của những rủi ro khác như rủi ro do hoả hoạn, thiên tai, dịch bệnh, rủi ro trong quá trình chào hàng, đàm phán và ký kết hợp đồng,... những rủi ro này cũng có thể tác động trực tiếp hoặc gián tiếp đến hoạt động kinh doanh của Công ty.

II. Tình hình hoạt động trong năm

1. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh

1.1. Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh trong năm

- Cơ cấu doanh thu

Bảng số 2: Cơ cấu doanh thu năm của Công ty

| STT | Chỉ tiêu | Năm 2021 (đồng) | Tỷ trọng (%) | Năm 2022 (đồng) | Tỷ trọng (%) | % tăng giảm so với năm 2021 |
|-----|--|-----------------------|--------------------|-----------------------|--------------------|-----------------------------------|
| 1 | Doanh thu cung cấp dịch vụ | 16.123.566.852 | 97,38 | 9.158.213.428 | 91.09 | (43.1) |
| - | Doanh thu bán chế và dịch vụ khác | 16.123.566.852 | 97.38 | 9.158.213.428 | 91.09 | (43.1) |
| 2 | Doanh thu hoạt động tài chính | 434.548.400 | 2.62 | 895.256.844 | 8.9 | 106 |
| - | Lãi tiền gửi, tiền cho vay | 434.548.400 | 2.62 | 357.475.676 | 3.55 | (17) |
| - | Lãi chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm | - | | 19.751.585 | 0.2 | |
| - | Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư cuối năm | - | | 518.029.583 | 5.15 | |
| 3 | Thu nhập khác | 278.475.633 | 1.68 | 26.809.317 | 0.26 | (90.3) |
| - | Thanh lý, nhượng bán TSCĐ | 25.122.083 | 0.15 | - | | |
| - | Thanh lý vật tư | 38.514.280 | 0.23 | - | | |
| - | Thu nhập từ nợ không phải trả | - | | - | | |
| - | Thanh lý vụn lò sáy | - | | 26.581.817 | 0.26 | |
| - | Các khoản khác | 214.839.270 | 1.29 | 227.500 | 0.002 | (99.8) |
| | Tổng doanh thu | 16.558.115.252 | 100 | 10.053.470.272 | 100 | (39.2) |

(Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2022 của CTCP Tổng công ty Chè Nghệ An)

- Cơ cấu chi phí

Bảng số 3: Cơ cấu chi phí của Công ty

| TT | Chỉ tiêu | Năm 2021 (đồng) | Tỷ trọng/ DTT (%) | Năm 2022 (đồng) | Tỷ trọng/ DTT (%) | % tăng/ giảm so với 2021 |
|----|-------------------|--------------------|-------------------------|--------------------|-------------------------|--------------------------------|
| 1 | Giá vốn hàng bán | 11.988.312.279 | 74 | 7.074.695.934 | 77.2 | 40.9 |
| 2 | Chi phí tài chính | 1.481.068.673 | 1.06 | 765.425.022 | 8.4 | 48.3 |
| - | Chi phí lãi vay | 1.394.717.808 | 9 | 765.425.022 | 8.4 | 45.1 |

| | | | | | | |
|--------------------------------|------------------|-----------------------|------------|------------------------|---------------|-------------|
| 3 | Chi phí bán hàng | 1.141.004.383 | 7 | 760.437.956 | 8.3 | 33.3 |
| 4 | Chi phí QLDN | 2.958.455.269 | 18 | 2.764.429.698 | 30.2 | 6.5 |
| 5 | Chi phí khác | 45.005.064 | 0.3 | - | | |
| Tổng chi phí | | 5.625.533.389 | 35 | 4.290.292.676 | 46.8 | 23.7 |
| Doanh thu thuần | | 16.100.159.252 | 100 | 9.158.213.428 | 100 | 43.1 |
| Lợi nhuận sau thuế TNDN | | (800.662.383) | (5) | (1.275.709.021) | (13.9) | 59.3 |

(Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2022 của CTCP Tổng công ty Chè Nghệ An)

1.2. Tình hình thực hiện so với kế hoạch

Bảng số 4: Kết quả thực hiện so với kế hoạch năm 2022

| STT | Chỉ tiêu | Kế hoạch năm 2022 | Thực hiện năm 2022 | Tỷ lệ % hoàn thành |
|-----|--------------------------|-------------------|--------------------|--------------------|
| 1 | Tổng doanh thu (tỷ đồng) | | 9,2 | |
| 2 | Cổ tức (%/MG) | | 0 | |

(Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2022 và Nghị quyết ĐHĐCĐ năm 2022 của Công ty cổ phần Tổng công ty Chè Nghệ An)

2. Tổ chức và nhân sự

2.1. Danh sách ban điều hành

Bảng số 5: Danh sách thành viên Ban Điều hành

| STT | Họ và tên | Chức vụ |
|-----|------------------|---------------|
| 1 | Trịnh Xuân Thắng | Tổng Giám đốc |

2.2. Tóm tắt sơ yếu lý lịch của thành viên Ban Điều hành

Họ và tên : Trịnh Xuân Thắng
 Số CCCD : 040075004924
 Giới tính : Nam
 Ngày tháng năm sinh : 19/08/1975
 Quốc tịch : Việt Nam
 Dân tộc : Kinh
 Địa chỉ thường trú : Số 3, ngõ 19, Đình Bạt Tụy, p Trường Thi, TP Vinh, Nghệ An
 Trình độ văn hóa : 12/12

Trình độ chuyên môn : Thạc sĩ quản trị kinh doanh

Quá trình công tác :

| Thời gian | Chức vụ | Đơn vị công tác |
|-------------------|--|---|
| 01/1997 – 12/2005 | Phó trưởng phòng nghiệp vụ | Công ty Xuất nhập khẩu Nghệ An |
| 12/2005 – 7/2008 | Trưởng phòng XNK kiêm trưởng bộ phận kế toán | Công ty khai thác đá vôi yabashi Việt Nam (Tập đoàn yabashi Nhật Bản tại Quỳnh Hợp) |
| 8/2008 - 2015 | | Ngân hàng Bắc Á |
| 2015 - 2021 | Tổng giám đốc | Công ty TNHH nông nghiệp sạch Tây Nguyên tại KonTum |

Chức vụ công tác hiện nay tại Công ty : Thành viên HĐQT – Tổng Giám đốc Công ty cổ phần Tổng Công ty Chè Nghệ An

Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác : Không

Số lượng cổ phần cá nhân sở hữu : 0 cổ phần, chiếm tỷ lệ 0% số lượng cổ phiếu đang lưu hành của Công ty.

Số lượng cổ phần đại diện sở hữu : 943.991 cổ phần, chiếm 27,64% số lượng cổ phiếu đang lưu hành của Công ty

Số cổ phần của người có liên quan : Không

Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích Công ty : Không

Các khoản nợ đối với Công ty : Không

Thù lao và các khoản lợi ích khác : Không

Lợi ích liên quan đối với Công ty : Không

2.3. Những thay đổi Ban điều hành: Không.

2.4. Số lượng cán bộ, nhân viên

Bảng số 6: Cơ cấu lao động của Công ty tại thời điểm 31/12/2022

| Tiêu chí | Số lượng (người) | Tỉ trọng (%) |
|---------------------------------------|------------------|--------------|
| 1. Phân theo trình độ lao động | 515 | 100 |
| - Trình độ Đại học và trên đại học | 34 | 6,6 |
| - Trình độ cao đẳng | 24 | 4,7 |

| | | |
|--|------------|------------|
| - Trình độ trung cấp, công nhân kỹ thuật | 94 | 18,3 |
| - Lao động phổ thông | 363 | 70,4 |
| 2. Phân theo giới tính | 515 | 100 |
| - Nam | 204 | 39,6 |
| - Nữ | 311 | 60,4 |

2.5. Chính sách đối với người lao động, cán bộ công nhân viên:

a) Chính sách đào tạo

- Xây dựng chính sách để thu hút nhân lực có chất lượng cao như: Rà soát lại bộ máy nhân sự; kiện toàn bộ máy quản lý phù hợp với mô hình mới theo hướng tinh gọn, bố trí công việc phù hợp với khả năng của từng người.

- Xây dựng nguồn nhân lực có khả năng đáp ứng được quá trình phát triển kinh doanh là mục tiêu quan trọng của Công ty cổ phần Tổng công ty Chè Nghệ An. Công ty chú trọng phát triển nguồn nhân lực nội bộ và đội ngũ kế thừa, với tinh thần làm việc tận tâm với công việc, có ý thức tự đào tạo, có khả năng kết hợp với các đồng nghiệp để tạo ra giá trị cho Công ty. Công ty tiếp tục tuyển dụng thu hút thêm nhân lực từ bên ngoài có trình độ chuyên môn, kỹ thuật, kinh nghiệm đáp ứng yêu cầu đề ra.

b) Chính sách lương, thưởng, phúc lợi

Chế độ tiền lương, thưởng và phúc lợi của Công ty gắn liền với kết quả kinh doanh, chuyên môn và chất lượng dịch vụ của mỗi nhân viên, song vẫn luôn đảm bảo thu nhập của CBNV có tính cạnh tranh đối với các đơn vị cùng ngành nghề. Công ty cam kết thực hiện đầy đủ các chính sách, chế độ theo Luật lao động như Bảo hiểm xã hội, y tế, thất nghiệp, trang bị đồng phục và bảo hộ lao động, bảo hiểm tai nạn con người,... thực hiện chế độ khen thưởng nhân dịp các ngày Lễ, Tết tùy theo kết quả kinh doanh.

3. Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện các dự án

3.1. Các khoản đầu tư lớn: Không có.

3.2. Các công ty con, công ty liên kết: Không có.

4. Tình hình tài chính của Công ty

4.1. Tình hình tài chính của Công ty trong năm 2021 và năm 2022

Bảng số 7: Tình hình tài chính của Công ty

| TT | Chỉ tiêu | Năm 2021 (đồng) | Năm 2022 (đồng) | % tăng/giảm so với năm 2021 |
|----|--|--------------------|--------------------|--------------------------------|
| 1 | Tổng giá trị tài sản | 84.725.443.360 | 51.809.765.370 | (38.8) |
| 2 | Doanh thu thuần | 16.100.159.252 | 9.158.213.428 | (43.1) |
| 3 | Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh | (1.034.132.952) | (1.302.518.338) | 25.9 |
| 4 | Lợi nhuận khác | 233.470.569 | 26.809.317 | (88.5) |
| 5 | Lợi nhuận trước thuế | (800.662.383) | (1.275.709.021) | 59.3 |
| 6 | Lợi nhuận sau thuế | (800.662.383) | (1.275.709.021) | 59.3 |

(Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2022 của CTCP Tổng công ty Chè Nghệ An)

4.2. Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu

Bảng số 8: Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu

| Các chỉ tiêu | Đơn vị tính | Năm 2021 | Năm 2022 |
|---|-------------|----------|----------|
| 1. Chỉ tiêu về khả năng thanh toán | | | |
| Hệ số thanh toán ngắn hạn: (= TSLĐ/Nợ ngắn hạn) | Lần | 0.84 | 1.26 |
| Hệ số thanh toán nhanh: (TSLĐ - Hàng tồn kho) Nợ ngắn hạn | Lần | 0.62 | 0.64 |
| 2. Chỉ tiêu về cơ cấu vốn | | | |
| Hệ số Nợ/Tổng tài sản | % | 79.44 | 38.04 |
| Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu | % | 396.65 | 62.77 |
| 3. Chỉ tiêu về năng lực hoạt động | | | |
| Vòng quay hàng tồn kho: <u>Giá vốn hàng bán</u> Hàng tồn kho BQ | Vòng | 0.88 | 0.59 |
| <u>Doanh thu thuần</u> /Tổng tài sản <u>Doanh thu thuần</u> Tổng tài sản BQ | Lần | 0.18 | 0.13 |
| 4. Chỉ tiêu về khả năng sinh lời | | | |
| Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần | % | (5.30) | (13.93) |
| Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu | % | (4.72) | (5.27) |
| Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản | % | (0.95) | (1.87) |
| Hệ số Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/Doanh thu thuần | % | (6.85) | (14.22) |

(Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2022 của CTCP Tổng công ty Chè Nghệ An)

5. Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu

5.1. Cổ phần

Tổng số cổ phần và loại cổ phần đang lưu hành: 3.415.555 cổ phần phổ thông.

Trong đó:

- Số lượng cổ phần chuyên nhượng tự do: 3.415.555 cổ phần.
- Số lượng cổ phần bị hạn chế chuyển nhượng: 0 cổ phần.

5.2. Cơ cấu cổ đông

Bảng số 9: Cơ cấu cổ đông tại thời điểm 28/3/2023

| TT | Loại cổ đông | Số lượng cổ đông | Số lượng cổ phần | Giá trị cổ phần theo mệnh giá (đồng) | Tỷ lệ % trên vốn điều lệ thực góp |
|----|--------------------|------------------|------------------|--------------------------------------|-----------------------------------|
| 1 | Cổ đông trong nước | | | | |

| | | | | | |
|----------|---------------------------|------------|------------------|-----------------------|--------|
| 1.1 | Tổ chức | 3 | 3.031.105 | 30.311.050.000 | 88,74% |
| 1.2 | Cá nhân | 711 | 384.450 | 3.844.500.000 | 11,26% |
| 2 | Cổ đông nước ngoài | | | | |
| 2.1 | Tổ chức | | | | |
| 2.2 | Cá nhân | | | | |
| 3 | Cổ phiếu quỹ | | | | |
| | Tổng cộng | 714 | 3.415.555 | 34.155.550.000 | |

(Nguồn: Danh sách cổ đông Công ty cổ phần Tổng công ty Chè Nghệ An do Trung tâm Lưu ký Chứng khoán chốt ngày 28/3/2022)

Bảng số 10: Danh sách cổ đông nắm giữ từ 5% trở lên tại thời điểm 28/3/2023

| TT | Tên cổ đông | Số CMT/Hộ chiếu/Giấy CNDKDN | Địa chỉ | Số lượng cổ phần sở hữu | Tỷ lệ % trên vốn điều lệ thực góp |
|------------------|----------------------------------|-----------------------------|-------------------------|-------------------------|-----------------------------------|
| 1 | UBND tỉnh Nghệ An | | Thành phố Vinh, Nghệ An | 1.741.933 | 51% |
| 2 | Công ty TNHH Mía đường Nghệ An | | Quỳ Hợp, Nghệ An | 943.991 | 27,63% |
| 3 | Công ty cổ phần cấp nước Nghệ An | | Thành phố Vinh, Nghệ An | 345.181 | 10,1% |
| Tổng cộng | | | | 3.031.105 | |

(Nguồn: Danh sách cổ đông Công ty cổ phần Tổng công ty Chè Nghệ An do Trung tâm Lưu ký Chứng khoán chốt ngày 28/3/2023)

- Tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa:

Tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa tại Công ty hiện nay là 49%.

5.3. Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu: Công ty không thực hiện tăng vốn cổ phần trong năm 2022.

5.4. Giao dịch cổ phiếu quỹ: Không.

5.5. Các chứng khoán khác: Không.

6. Báo cáo tác động liên quan đến môi trường và xã hội của Công ty

6.1. Quản lý bảo vệ vùng nguyên liệu

Công ty luôn bảo vệ, khai thác sử dụng nguồn nguyên liệu theo đúng quy trình để đảm bảo về số lượng và chất lượng nguyên liệu. Thu hoạch đi liền với chăm sóc để phát triển vùng nguyên liệu bền vững.

6.2. Tuân thủ pháp luật về bảo vệ môi trường

- Số lần bị xử phạt vi phạm do không tuân thủ pháp luật và các quy định về môi trường: Không.

- Tổng số tiền do bị xử phạt vi phạm do không tuân thủ pháp luật và các quy định về môi trường: Không.

6.3. Chính sách liên quan đến người lao động

a) Số lượng lao động, mức lương trung bình đối với người lao động

- Số lượng lao động bình quân trong năm 2022: 515 người.

- Mức lương trung bình đối với người lao động:

Bảng số 11: Mức lương trung bình đối với người lao động

| Nội dung | Năm 2020 | Năm 2021 | Năm 2022 |
|---|-----------------|-----------------|-----------------|
| Mức lương bình quân (triệu đồng/người/tháng) | 5 | 5 | 5 |

b) Chính sách lao động nhằm đảm bảo sức khỏe, an toàn và phúc lợi của người lao động

Công ty thực hiện đầy đủ các chế độ chính sách đối với người lao động theo đúng quy định của pháp luật, đảm bảo công ăn việc làm ổn định cho người lao động, cải thiện thu nhập, quan tâm đến đời sống vật chất, tinh thần cán bộ công nhân viên. Công ty đã xây dựng Quỹ khen thưởng, phúc lợi để thăm hỏi, động viên người lao động một cách kịp thời khi gặp khó khăn trong cuộc sống.

Hàng năm, Công ty tổ chức sơ kết, tổng kết, khen thưởng để khuyến khích động viên người lao động đã có đóng góp cho Công ty. Mức khen thưởng phụ thuộc vào hiệu quả sản xuất của Công ty và hiệu quả kinh tế của tập thể, của người lao động.

Về an toàn lao động: Phương tiện và công cụ lao động luôn được trang bị đầy đủ và đáp ứng các yêu cầu về tiêu chuẩn an toàn cho người lao động. Đối với những công việc có yếu tố nguy hiểm, độc hại, người lao động đều được trang bị các thiết bị bảo hộ lao động chuyên dụng, phù hợp, đảm bảo an toàn.

Ban Chấp hành Công đoàn Công ty đã tăng cường thực hiện quy chế dân chủ ở cơ sở, tham gia giải quyết các chế độ chính sách tiền lương. Đồng thời, duy trì điểm sinh hoạt văn hóa công nhân, luyện tập thể dục thể thao nâng cao sức khỏe và tinh thần cho người lao động. Đặc biệt, Công ty chú trọng xây dựng văn hóa doanh nghiệp, coi đó là bản sắc của doanh nghiệp để thu hút nguồn nhân lực chất lượng cao, tạo đà mạnh mẽ cho sự phát triển của doanh nghiệp.

6.4. Báo cáo liên quan đến trách nhiệm đối với cộng đồng địa phương

Công ty đã hoàn thành tốt trách nhiệm với cộng đồng địa phương như việc cùng tham gia vào các hoạt động tuyên truyền nâng cao ý thức bảo vệ môi trường của người dân. Bên cạnh đó, trong năm, Công ty cũng đã phối hợp với cơ quan ban ngành, chính quyền địa phương để vận động ủng hộ đồng bào bị bão lũ, thăm hỏi các gia đình có hoàn cảnh khó khăn, tham gia hiến máu nhân đạo,...

III. Báo cáo và đánh giá của Ban Giám đốc

1. Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh

Căn cứ trên một số chỉ tiêu kế hoạch chủ yếu năm 2022 được Ban điều hành Công ty lập cho năm đầu tiên thực hiện theo mô hình Công ty cổ phần là: Ổn định tình hình sản xuất kinh doanh, thực hiện một bước chuyển hướng mục tiêu mới vừa tổ chức sản xuất các mặt hàng theo thị trường truyền thống, đồng thời chuẩn bị hoạt động sản xuất kinh doanh cho các năm tiếp theo.

- Tập trung lãnh đạo, xây dựng và thực hiện có hiệu quả nhiệm vụ sản xuất kinh doanh và đầu tư phát triển của Công ty đúng hướng, đúng đường lối, chủ trương phê duyệt của Hội đồng quản trị trên cơ sở pháp luật của Nhà nước. Bảo toàn và phát triển vốn theo kế hoạch thông qua Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị giao phó; giải quyết đúng đắn mối quan hệ và lợi ích phù hợp với kết quả hoạt động của Công ty, từng bước ổn định đời sống cho CBCNV và người lao động.

- Trực tiếp chỉ đạo kế hoạch hàng năm về SXKD và tiêu thụ sản phẩm, cơ chế chính sách, công tác tổ chức cán bộ, công tác tài chính của công ty.

Để nhìn nhận một cách khách quan mặc dù đã thay đổi mô hình hoạt động của Công ty, nhưng về bản chất thì chưa được thay đổi. Cụ thể: Công ty vẫn hoạt động trên điều kiện cơ sở vật chất cũ, đầu tư cải tiến cơ sở vật chất, máy móc thiết bị để phục vụ cho sản xuất chưa có; Chất lượng sản phẩm sản xuất ra chưa thay đổi nhiều so với trước đây, rất khó cạnh tranh trong điều kiện mới, dẫn tới mất dần thị trường. Các yếu tố về con người, nhân sự biến động lớn, người nắm giữ các vị trí quan trọng lần lượt nghỉ việc, đặc biệt khi ra ngoài tự đầu tư sản xuất, tiếp tục hoạt động cùng ngành nghề, nên tạo ra đôi trọng lớn trong công tác sản xuất cũng như thị trường đầu ra cho sản phẩm của Công ty.

2. Tình hình tài chính

2.1. Tình hình tài sản

Bảng số 12: Tình hình tài sản của Công ty năm 2021 - 2022

| TÀI SẢN | 31/12/2021 (đồng) | 31/12/2022 (đồng) | % tăng/giảm so với 2022 |
|---------------------------------------|------------------------------|------------------------------|------------------------------------|
| A. TÀI SẢN NGẮN HẠN | 53.388.142.274 | 21.183.939.603 | (60.32) |
| I. Tiền và các khoản tương đương tiền | 29.537.566.270 | 4.771.436.472 | (83.85) |
| II. Đầu tư tài chính ngắn hạn | 3.612.006.526 | - | - |
| III. Các khoản phải thu ngắn hạn | 5.890.381.919 | 5.204.584.504 | (11.64) |
| IV. Hàng tồn kho | 13.559.162.166 | 10.426.547.447 | (23.10) |
| V. Tài sản ngắn hạn khác | 789.025.393 | 781.371.180 | (0.97) |
| B. TÀI SẢN DÀI HẠN | 31.337.301.086 | 30.625.825.767 | (2.27) |
| I. Các khoản phải thu dài hạn | 1.138.126.207 | 1.134.630.167 | (0.31) |
| II. Tài sản cố định | 28.769.442.141 | 28.023.899.069 | (2.59) |
| 1. TSCĐ hữu hình | 28.769.442.141 | 28.023.899.069 | (2.59) |
| III. Tài sản dài hạn khác | 1.386.897.738 | 1.359.103.411 | (2) |
| TỔNG CỘNG TÀI SẢN | 84.725.443.360 | 51.809.765.370 | (38.85) |

(Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2021, 2022 của CTCP Tổng công ty Chè Nghệ An)

2.2. Tình hình nợ phải trả

Bảng số 13: Tình hình nợ phải trả của Công ty năm 2021 - 2022

| Chỉ tiêu | Năm 2021 (đồng) | Năm 2022 (đồng) | % tăng/giảm so với 2021 |
|--|-----------------------|-----------------------|----------------------------|
| I. Nợ ngắn hạn | 63.894.652.022 | 16.858.050.263 | (73.6) |
| 1. Phải trả người bán ngắn hạn | 2.607.200.566 | 1.606.158.900 | (38.4) |
| 2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn | 459.909.367 | 493.456.824 | 7.3 |
| 3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước | 89.392.351 | 11.885.678 | (86.7) |
| 4. Phải trả người lao động | 412.146.743 | 478.156.596 | 16 |
| 5. Phải trả ngắn hạn khác | 43.136.981.562 | 12.139.227.451 | (71.9) |
| 6. Chi phí phải trả ngắn hạn | 1.709.347.779 | 2.129.164.814 | 24,6Khô |
| 7. Vay và nợ thuê tài chính | 15.479.673.654 | | |
| II. Nợ dài hạn | 3.413.298.988 | 2.852.040.083 | (16.4) |
| TỔNG CỘNG | 67.307.951.010 | 19.710.090.346 | (70.7) |

(Nguồn: BCTC đã kiểm toán năm 2022 của CTCP Tổng công ty Chè Nghệ An)

3. Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý

Những tiến bộ về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý: Bộ máy điều hành và lãnh đạo gọn nhẹ, trực tiếp. Dưới Ban Giám đốc có các phòng ban với chức năng và nhiệm vụ công việc cụ thể với sự giám sát và điều hành sát sao của các trưởng bộ phận. Chính sách của công ty đảm bảo theo đúng luật định hiện hành của nhà nước Việt Nam, chính sách nhân sự nhằm thúc đẩy hoạt động của Công ty.

4. Kế hoạch phát triển trong tương lai

- Tổ chức tốt Hội nghị người lao động và Đại hội cổ đông thường niên năm 2023.
- Tiếp tục tiết kiệm các khoản chi phí, nâng cao năng suất, kiện toàn và sắp xếp lại bộ máy của Công ty sao cho phù hợp và hiệu quả.
- Khắc phục, rút kinh nghiệm những tồn tại của năm trước.
- Mở rộng thêm ngành nghề kinh doanh.
- Tiếp tục phát huy tiềm năng, nội lực sẵn có của Công ty.
- Sắp xếp, cơ cấu lại lao động các bộ phận, cho phù hợp với tình hình SXKD thực tế và đảm bảo hiệu quả sử dụng lao động.
- Nâng cao năng lực lao động toàn Công ty, tăng tính chuyên nghiệp, đổi mới quản lý, nâng cao hiệu quả, tăng năng suất lao động (tăng năng suất lao động là giải pháp chính).

5. Giải trình của Ban Giám đốc đối với ý kiến kiểm toán: Không có.

6. Báo cáo đánh giá liên quan đến trách nhiệm về môi trường và xã hội của Công ty

a) Đánh giá liên quan đến các chỉ tiêu môi trường (tiêu thụ nước, năng lượng, phát thải...)

Hướng tới mục tiêu phát triển bền vững, Công ty cổ phần Tổng công ty Chè Nghệ An đang ngày càng cải thiện các hoạt động trồng trọt và sản xuất chè, đảm bảo các chỉ tiêu môi trường (tiêu thụ nước, năng lượng, phát thải,...) hợp lý, và phù hợp với quy định pháp luật về môi trường.

b) Đánh giá liên quan đến vấn đề người lao động

Người lao động tại Công ty cổ phần Tổng công ty chè Nghệ An được đảm bảo mức thu nhập phù hợp với mặt bằng chung của xã hội, được trang bị thiết bị làm việc đầy đủ, hiện đại, được đóng các loại bảo hiểm đầy đủ. Hàng năm, Công ty vẫn trích quỹ khen thưởng phúc lợi, kịp thời khen thưởng cho các cá nhân, tập thể có thành tích xuất sắc trong công việc.

c) Đánh giá liên quan đến trách nhiệm của doanh nghiệp đối với cộng đồng địa phương

Trong năm qua, Công ty đã hoàn thành tốt trách nhiệm với cộng đồng địa phương như việc cùng tham gia vào các hoạt động tuyên truyền nâng cao ý thức bảo vệ môi trường của người dân, tham gia ủng hộ biển đảo quê hương,...

IV. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Công ty

1. Đánh giá của Hội đồng quản trị về các mặt hoạt động của Công ty, trong đó có đánh giá liên quan đến trách nhiệm môi trường và xã hội

Trong năm 2022, Công ty cổ phần Tổng công ty Chè Nghệ An vẫn còn gặp nhiều khó khăn trong hoạt động sản xuất kinh doanh, đặc biệt là ảnh hưởng từ dịch bệnh Covid-19. Tuy nhiên, với sự lãnh đạo tập trung và sự đoàn kết của toàn thể cán bộ công nhân viên, Công ty đã duy trì được mức hoạt động ổn định, bảo toàn được phần vốn nhà nước cũng như lợi ích của cổ đông.

2. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Ban Giám đốc Công ty

2.1. Những việc đã làm được

- Đã tuân thủ và thực hiện nghiêm túc các quy định của pháp luật, Điều lệ Công ty, Nghị quyết ĐHCĐ, Nghị quyết của HĐQT.

- Luôn thể hiện trách nhiệm cao, thường xuyên bám sát công việc, chỉ đạo sát sao, kịp thời cụ thể, quyết liệt; giải quyết kịp thời những khó khăn vướng mắc trong hoạt động sản xuất kinh doanh.

- Đã chủ động triển khai thực hiện các Nghị quyết, Quyết định của HĐQT theo đúng chủ trương, định hướng phát triển được thông qua.

- Chủ động đưa ra các giải pháp phù hợp với từng giai đoạn, điều kiện cụ thể. Phát huy mọi tiềm lực sức mạnh của CBCNV để hoàn thành nhiệm vụ sản xuất kinh doanh của Công ty.

2.2. Những hạn chế cần khắc phục

- Cần làm tốt hơn công tác đào tạo, xây dựng đội ngũ cán bộ quản lý.

- Việc hướng dẫn quán triệt thực hiện triển khai các nghị quyết, quyết định của HĐQT, quy chế nội bộ chưa quyết liệt nên một số cá nhân trong đội ngũ cán bộ quản lý chưa nghiêm túc thực hiện.

3. Các kế hoạch, định hướng của Hội đồng quản trị

Một số giải pháp cơ bản mà HĐQT đề ra trong năm 2023 như sau:

- HĐQT tăng cường hơn nữa công tác giám sát, trong đó giám sát chặt chẽ chi phí sản xuất, tiết kiệm chi tiêu. Thường xuyên kiểm tra Ban Giám đốc trong việc thực hiện các nghị quyết, quyết định của HĐQT.

- Tái cấu trúc bộ máy tổ chức tinh gọn, hiệu quả, phù hợp với hoạt động của Công ty trong nhiệm kỳ mới và xu hướng phát triển của nền kinh tế thị trường.

- Chỉ đạo công tác giao khoán và quản lý đất chặt chẽ đến từng hộ nhận khoán.

- Định hướng ngành nghề kinh doanh theo hướng tập trung phát triển những ngành nghề trọng yếu có thế mạnh của Công ty. Bên cạnh đó, mở rộng các ngành nghề dịch vụ mới nhằm nâng cao tính đa dạng, sức cạnh tranh trên thị trường.

- Theo dõi sát sao diễn biến thị trường, chủ động dự báo những biến động từ thị trường, chỉ đạo ban điều hành thực hiện quyết liệt và có hiệu quả các nội dung nêu trong nghị quyết của HĐQT để đáp ứng kịp thời các mục tiêu sản xuất kinh doanh.

V. Quản trị Công ty

1. Hội đồng quản trị

1.1. Thành viên và cơ cấu của Hội đồng quản trị

Bảng số 14: Thành viên Hội đồng quản trị

| STT | Họ và tên | Chức vụ | Tỷ lệ sở hữu CP | Số lượng chức danh TV HĐQT, chức danh quản lý nắm giữ tại các công ty khác |
|------------|-----------------------|-----------------|------------------------|---|
| 1 | Ông Nguyễn Đức Thắng | Chủ tịch HĐQT | - | 00 |
| 2 | Ông Nguyễn Duy Trường | Thành viên HĐQT | - | 00 |
| 3 | Ông Trịnh Xuân Thắng | Thành viên HĐQT | - | 00 |

1.2. Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị: Không có.

1.3. Hoạt động của Hội đồng quản trị

Trên cơ sở nội dung Nghị quyết ĐHĐCĐ năm 2022 đề ra, với chức năng, quyền hạn của HĐQT theo Điều lệ Công ty, trong năm, HĐQT đã ban hành các nghị quyết chỉ đạo Ban Giám đốc Công ty tổ chức thực hiện gắn với tình hình thực tiễn, đối mặt với nhiều khó khăn mất mát, từng bước ổn định tình hình SXKD, cơ cấu lại doanh nghiệp theo hướng tinh giảm, bố trí lại SXKD cho phù hợp với tình hình thực tế, giao chi phí đảm bảo tiền lương cho người lao động và có chia cổ tức cho các cổ đông.

Xây dựng cơ chế điều hành SXKD năm 2023: Trước những khó khăn dồn dập, cùng với ảnh hưởng từ dịch bệnh Covid-19, HĐQT đã ra nghị quyết, chỉ đạo Ban Giám đốc từng giai đoạn thực tế của Công ty nhằm từng bước cân đối, cơ cấu lại doanh nghiệp cũng như kế hoạch SXKD cho hiệu quả hơn. Nhưng do cũng còn muôn vàn khó khăn, thiếu cương quyết nên kết quả còn nhiều hạn chế, ảnh hưởng xấu đến Công ty.

Về công tác lãnh đạo, chỉ đạo tài chính: HĐQT thường xuyên giám sát công tác SXKD, công tác quản lý tài chính, các khoản thu chi của Công ty thông qua báo cáo tại họp giao ban hoặc văn bản của Ban Giám đốc; kịp thời chỉ đạo uốn nắn công tác tài chính đảm bảo thực hiện theo đúng quy định của Nhà nước cũng như quy định tại điều lệ của Công ty...

1.4. Hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị độc lập: Không có.

1.5. Danh sách các thành viên Hội đồng quản trị có chứng chỉ đào tạo về quản trị công ty. Danh sách các thành viên Hội đồng quản trị tham gia các chương trình về quản trị Công ty trong năm: Không có.

2. Ban Kiểm soát

2.1. Thành viên và cơ cấu của Ban Kiểm soát

Bảng số 15: Thành viên Ban Kiểm soát

| TT | Họ và tên | Chức vụ | Tỷ lệ sở hữu tính đến ngày 31/12/2022 |
|----|----------------------|--------------------------|---------------------------------------|
| 1 | Ông Nguyễn Văn Quyết | Trưởng Ban kiểm soát | 1.300 |
| 2 | Ông Trần Minh Phúc | Thành viên Ban kiểm soát | Không |
| 3 | Ông Nguyễn Huy Thắng | Thành viên Ban kiểm soát | Không |

2.2. Hoạt động của Ban Kiểm soát

Trong năm 2022, Ban kiểm soát đã tiến hành họp định kỳ để tiến hành kiểm tra, giám sát việc tuân thủ các quy định của Luật Doanh nghiệp, Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty trong quá trình quản lý, điều hành các hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty, cụ thể như sau:

- Xem xét tính phù hợp của các Quyết định của Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc trong công tác quản lý, điều hành; Kiểm soát trình tự, thủ tục ban hành các văn bản của Công ty đảm bảo phù hợp với quy định của Pháp luật và Điều lệ hoạt động của Công ty; Giám sát việc thực thi pháp luật của Công ty.

- Kiểm tra, đánh giá các quy trình trọng yếu của Công ty, nhằm phát hiện rủi ro tiềm tàng hoặc những thiếu sót trong hệ thống quản lý nội bộ, từ đó đề xuất những kiến nghị và giải pháp phù hợp.

- Giám sát việc thực thi, công bố thông tin của Công ty theo các quy định của Luật Chứng khoán và các văn bản pháp luật có liên quan.

- Xem xét các báo cáo định kỳ do Ban Giám đốc lập: Kiểm tra các Báo cáo tài chính quý, năm nhằm đánh giá tính trung thực và hợp lý của số liệu tài chính. Đồng thời, phối hợp với Kiểm toán độc lập xem xét ảnh hưởng của các sai sót kế toán và kiểm toán trọng yếu đến Báo cáo tài chính; giám sát Ban lãnh đạo trong việc thực thi những kiến nghị do Kiểm toán viên đưa ra.

3. Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc và Ban kiểm soát

3.1. Lương, thưởng, thù lao các khoản lợi ích

| TT | Họ và Tên | Chức vụ | Lương | Thù lao (HDQT, BKS, BGD) | Tổng thu nhập |
|----|----------------------|-----------------|-------|--------------------------|---------------|
| 1 | Ông Nguyễn Đức Thắng | Chủ tịch HĐQT | | 0 | 184.000.000 |
| 2 | Ông Trịnh Xuân Thắng | Thành viên HĐQT | | 0 | 84.000000 |

| | | | | | |
|------------------|-----------------------|-----------------|--|---|--------------------|
| 3 | Ông Nguyễn Duy Trường | Thành viên HĐQT | | 0 | |
| 4 | Ông Nguyễn Văn Quyết | Trưởng BKS | | 0 | 106.000.000 |
| 5 | Ông Trần Minh Phúc | Thành viên BKS | | 0 | |
| 6 | Ông Nguyễn Huy Thắng | Thành viên BKS | | 0 | |
| 7 | Bà Ngô Thị Lan | Kế toán trưởng | | 0 | 126.000.000 |
| Tổng cộng | | | | | 500.000.000 |

(Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2022 của Công ty cổ phần Tổng công ty Chè Nghệ An)

3.2. Giao dịch cổ phiếu của người nội bộ: Không có

3.3. Hợp đồng hoặc giao dịch với người nội bộ: Không có.

3.4. Đánh giá việc thực hiện các quy định về quản trị Công ty

Trong năm, tất cả các bộ phận đều thực hiện tốt công tác quản trị Công ty theo Nghị định 155/2020/NĐ-CP, Điều lệ và Quy chế nội bộ về Quản trị công ty.

VI. Báo cáo tài chính

1. Ý kiến của Kiểm toán viên: Không

2. Báo cáo tài chính được kiểm toán

Báo cáo tài chính năm đã được kiểm toán năm 2022 của Công ty bao gồm: Bảng cân đối kế toán; Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh; Báo cáo lưu chuyển tiền tệ; Bản thuyết minh Báo cáo tài chính theo quy định của pháp luật về kế toán và kiểm toán đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn UHY. Toàn văn nội dung Báo cáo tài chính kiểm toán 2022 được đăng tải trên website của Công ty tại địa chỉ: <http://ngheantea.com.vn/>

Nơi nhận:

- UBCKNN, HNX;
- Website Công ty;
- HĐQT, BKS;
- Lưu: VT, TCHC.

Nghệ An, ngày 13 tháng 4 năm 2023

**ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CÔNG TY
CHỦ TỊCH HĐQT**



Nguyễn Đức Thắng